

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 6 năm 2022

Số: 706 /ĐHBK-KHTC

THÔNG BÁO

Về mức học phí các bậc đào tạo năm học 2022-2023

Trường Đại học Bách Khoa - Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh thông báo các mức thu học phí năm học 2022-2023 như sau:

Quy định chung mức thu học phí:

- Từ khoá 2019 bậc đại học (ĐH), cao học (CH) chính quy và từ khoá 2021 bậc đại học hình thức vừa làm vừa học (VLVH), đào tạo từ xa (ĐTTXa) học phí được thu theo trọn gói một học kỳ (HK). Học phần thực tập ngoài trường tổ chức trong học kỳ hè được tính vào học phí học kỳ 2 ngay trước đó.
- Từ khóa 2020 trở về sau, học phí học lại của các học phần Giáo dục thể chất (GDTC) được tính theo đơn giá của Trung tâm Giáo dục Thể chất - ĐHQG-HCM (TTGDTC). Trong trường hợp chưa có đơn giá của TTGDTC, học phí tính bằng đơn giá học phí của khoá tuyển sinh đại trà mới nhất với số tín chỉ là 1,5 tín chỉ/học phần.
- Các khoá và hình thức đào tạo khác, các học kỳ dự thính, hình thức dự thính: thu học phí theo tín chỉ (TC) hay đơn vị học trình (ĐVHT).
- Các lớp mở theo yêu cầu riêng của sinh viên (Lớp có số số nhỏ, giờ giấc linh hoạt,...) học phí thu theo nguyên tắc bù đắp chi phí nhưng không vượt quá hai lần học phí của khoá mới tuyển sinh.
- Sinh viên chuyển khoá học đến khoá sau, tính học phí theo nguyên tắc của khoá sau.
- Sinh viên chính quy chuyển sang VLVH/ĐTTXa tính theo nguyên tắc học phí của VLVH/ĐTTXa tuyển sinh từ nguồn THPT cùng khoá.
- Sinh viên quá thời gian đào tạo theo kế hoạch, học phí tính theo nguyên tắc bù đắp chi phí.
- Các lớp mở theo nhu cầu của địa phương, doanh nghiệp được tính theo chi phí đào tạo đơn vị (unit cost) trong đề án định mức Kinh tế - Kỹ thuật về giá dịch vụ đào tạo của trường đại học Bách Khoa.
- Học phí các học phần liên thông Cử nhân - Kỹ sư - Thạc sĩ, Cử nhân - Thạc sĩ tính theo tín chỉ với đơn giá tín chỉ bậc Thạc sĩ của khoá tuyển sinh mới nhất.
- Đối với cách thu học phí trọn gói theo học kỳ:
 - Số tín chỉ định mức để tính học phí trọn gói cho một học kỳ:

mr

28

Đại học	Đại học hình thức VLVH, ĐTTXa	Cao học Chất lượng cao từ khóa 2020 trở về trước (CLC)	Cao học Chất lượng cao từ khóa 2021 (CLC)	Cao học từ khóa 2020 trở về trước	Cao học từ khóa 2021
17	14	16	15	12	15

Trường hợp chương trình đào tạo có thiết kế nhiều hơn số tín chỉ định mức, tổng tín chỉ định mức sinh viên tính theo năm học và là số tín chỉ định mức học kỳ nhân đôi và không vượt quá 34 tín chỉ cho một năm học.

- Tín chỉ đăng ký vượt định mức được tính theo đơn giá tín chỉ.
- Mức giảm học phí cho sinh viên, học viên cao học đăng ký ít hơn số tín chỉ định mức theo bảng sau:

Mức giảm	Số TC đăng ký/HK		
	Đại học	Cao học từ khóa 2020 trở về trước	Cao học từ khóa 2021
25%	≤ 12	7 - 9	9 - 12
50%		4 - 6	5 - 8
75%		0 - 3	0 - 4

Ghi chú: đối với Cao học CLC khóa 2020 trở về trước theo quy định tại mục II.1

- Cách tính học phí các học phần đặc thù bậc đại học, cao học:

STT	Tên học phần	Số TC	Số TC tính học phí	Số ĐVHT	Số ĐVHT/TC tính học phí
Các học phần đặc thù của bậc cao học					
1	Đề cương luận văn	0	2	--	--
2	Đề cương luận văn thạc sĩ	0	1		
Các học phần đặc thù của chương trình PFIEV (Từ Khóa 2018 trở về trước)					
3	Học phần tiếng Pháp 6,7,8	--	--	0	3
4	Các học phần với mã môn học đại trà	Tính bằng số tín chỉ của học phần chương trình đại trà			
5	Thực tập tốt nghiệp	--	--	0	4
6	Luận văn tốt nghiệp	--	--	10 20	15
Các học phần đặc thù của chương trình đào tạo quốc tế					
7	Kỹ năng mềm	0	5.550.000 VNĐ/ lần học lại		

8	Kỹ năng xã hội	0	3.700.000 VNĐ/ lần học lại
9	Văn hóa Nhật	0	1.690.000 VNĐ/ lần học lại
11	Các học phần tiếng Nhật	Học phí các học phần tiếng Nhật kể từ lần học thứ 9 đối với chương trình CLC TCTN, từ lần học thứ 7 đối với chương trình TCTN sẽ được tính theo đơn giá của khoá tuyển sinh gần nhất.	

I. SAU ĐẠI HỌC

1. Khóa 2018 về trước

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
Học phí đào tạo trình độ thạc sĩ		
1	Học phí cao học chính quy (ngành Quản trị kinh doanh)	800.000
2	Học phí cao học chính quy (các ngành còn lại)	930.000
Học phí đào tạo trình độ tiến sĩ		
3	Học phí học phần tiến sĩ, chuyên đề đào tạo trình độ tiến sĩ	1.400.000
4	Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng Luận án tiến sĩ (LATS) các cấp) trong thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với Nghiên cứu sinh (NCS) đã có bằng Thạc sĩ (ThS), 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS)	13.300.000
5	Học phí học kỳ (đã bao gồm bảo vệ hội đồng LATS các cấp) ngoài thời gian đào tạo chính thức (3 năm đối với NCS đã có bằng ThS, 4 năm đối với NCS chưa có bằng ThS)	16.950.000

2. Khóa 2019

2.1 Học phí học kỳ 1/ 2022-2023

- Học phí học kỳ của học viên cao học:
 - o Ngành Quản trị kinh doanh: 9.730.000 VNĐ/HK
 - o Các ngành còn lại: 11.700.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

2.2 Học phí học kỳ 2/ 2022-2023

- Học phí học kỳ của học viên cao học:
 - o Ngành Quản trị kinh doanh: 10.620.000 VNĐ/HK
 - o Các ngành còn lại: 12.780.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.




- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

3. Khoá 2020

- Học phí học kỳ của học viên cao học:
 - o Ngành Quản trị kinh doanh: 8.850.000 VNĐ/HK
 - o Các ngành còn lại: 10.650.000 VNĐ/HK
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức là đơn giá học phí tín chỉ của Khóa 2018 trở về trước.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ ngành Quản trị kinh doanh: 14.500.000 VNĐ/HK.
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ các ngành còn lại: 16.950.000 VNĐ/HK.

4. Khoá 2021, 2022

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 16.500.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.390.000 VNĐ/ TC
- Học phí học kỳ của NCS, dự bị tiến sĩ: 27.500.000 VNĐ/HK.

5. Các trường hợp khác

- Học phí của học viên bồi dưỡng Sau đại học, ôn tập, chuyển đổi, khối kiến thức bổ sung (dự thính, dành cho học kỳ hè), học phí cao học chính quy đối với các lớp mở tại địa phương: 1.500.000 VNĐ/TC.
- Học phí cao học chính quy đối với các lớp có sĩ số nhỏ hơn 10. Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lại luận văn (4TC): 1.500.000 VNĐ/TC
- Học phí chương trình liên thông Cử nhân - Kỹ sư - Thạc sĩ, Cử nhân - Thạc sĩ : 1.100.000 VNĐ/TC.
- Dự kiến học phí cao học toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2022 – 2023	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026
Khoá 2021	33.000.000			
Khoá 2022	33.000.000	36.000.000		

II. THẠC SĨ CHẤT LƯỢNG CAO

1. Khoá 2020 trở về trước

- Học phí: 40.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.700.000 VNĐ/TC.
 - o Nhà trường xem xét giảm:
 - 20% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 12 TC/HK.
 - 30% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 10 TC/HK.
 - 60% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 6 TC/HK.

- 80% học phí của học kỳ cho các học viên học ít hơn hoặc bằng 3 TC/HK.

- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.700.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.700.000

2. Từ Khoá 2021:

- Học phí học kỳ của học viên cao học: 40.000.000 VNĐ/HK
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 2.500.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí học lại và các học phần đặc thù:

STT	Nội dung	Mức thu học phí /TC (VNĐ)
1	Học phí học phần (học lại)	2.500.000
2	Học phí gia hạn luận văn, bảo vệ lần 2 luận văn (1/2 số tín chỉ học phần Luận văn)	2.500.000

III. ĐẠI HỌC CHÍNH QUY

1. Chính quy đại trà (gồm cả bằng 2, liên thông cao đẳng - đại học)

a. Từ Khoá 2021: Học phí trọn gói theo học kỳ.

- Học phí học kỳ: 13.750.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 805.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí tín chỉ học lại GDTC: 805.000 VNĐ/TC.
- Học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự tính theo nguyên tắc bù chi phí được tính như sau:

Sĩ số	Lớp trực tuyến, trực tiếp tại Cơ sở Dĩ An	Lớp trực tiếp tại Cơ sở Lý Thường Kiệt	Các học phần Thí nghiệm, Thực hành, Thực tập xưởng
≥ 20	960.000 VNĐ/TC	1.200.000 VNĐ/TC	960.000 VNĐ/TC
≥ 10	1.200.000 VNĐ/TC	1.450.000 VNĐ/TC	1.200.000 VNĐ/TC
≥ 5	1.450.000 VNĐ/TC	1.600.000 VNĐ/TC	1.450.000 VNĐ/TC
< 5	Không mở lớp		

- Dự kiến học phí toàn khóa (ĐVT: VNĐ/năm):

	2022 - 2023	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026
Khoá 2019	14.150.000			
Khoá 2020	14.150.000	15.565.000		
Khoá 2021	27.500.000	30.000.000	30.000.000	
Khoá 2022	27.500.000	30.000.000	32.500.000	35.000.000

hm

2/12/2021

b. *Khoá 2019, 2020:* Học phí trọn gói theo học kỳ.

- Học phí học kỳ: 7.075.000 VNĐ/HK.
- Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 410.000 VNĐ/TC
- Đơn giá học phí học lại GDTC, học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự thính: theo cách tính học phí của Khoá 2021 chính quy đại trà.

c. *Khoá 2018* (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)

- Học kỳ 1 năm học 2022-2023: 425.000 VNĐ/TC.
- Từ học kỳ 2 năm học 2022-2023: 835.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí học lại GDTC: 835.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự thính: theo cách tính học phí của Khoá 2021 chính quy đại trà.

d. *Khoá 2017 trở về trước* (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)

- Đơn giá học phí: 835.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí học lại GDTC: 835.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự thính: theo cách tính học phí của Khoá 2021 chính quy đại trà.

e. *Bảng 2, liên thông Cao đẳng – Đại học Khoá 2020:*

- Đơn giá học phí: 425.000 VNĐ/TC.
- Đơn giá học phí học lại GDTC, học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự thính: theo cách tính học phí của Khoá 2021 chính quy đại trà.

f. *Bảng 2, liên thông Cao đẳng – Đại học Khoá 2019 trở về trước* (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch): học phí tính như Khoá 2017 chính quy đại trà.

g. *Chương trình kỹ sư chất lượng cao Việt Pháp (PFIEV)*

- Từ Khoá 2019: tính như chương trình chính quy đại trà.
- Khoá 2018: 245.000 VNĐ/ĐVHT.
- Khoá 2017 (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):
 - o Học kỳ 1 năm học 2022-2023: 245.000 VNĐ/ĐVHT.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2022-2023: 485.000 VNĐ/ĐVHT.
- Khoá 2016 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch):
 - o Đơn giá học phí: 485.000 VNĐ/ĐVHT.
- Đơn giá học phí học lại GDTC, học phí các lớp mở theo yêu cầu, dự thính: theo cách tính học phí của Khoá 2021 chính quy đại trà.

2. Chương trình Chất lượng cao (CLC), Tiên tiến (TT), Chất lượng cao tăng cường tiếng Nhật (CLC-TCTN), Tăng cường tiếng Nhật (TCTN), Liên kết quốc tế (LKQT), Chuyển tiếp quốc tế (CTQT)

a. Từ Khóa 2021: Học phí trọn gói theo học kỳ

Chương trình	Học phí học kỳ (VNĐ/ HK)	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức (VNĐ/ TC)
CLC/TT/LKQT/CTQT	36.000.000	2.220.000
CLC-TCTN, TCTN	27.500.000	980.000

- Đơn giá học phí tín chỉ học lại GDTC: Theo cách tính học phí của Khóa 2021 chính quy đại trà
- Dự kiến học phí toàn khóa ĐVT: VNĐ/ năm

Chương trình	Năm học Khóa	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026
CLC/TT/ LKQT/CTQT	Khóa 2019	60.000.000			
	Khóa 2020	60.000.000	60.000.000		
	Khóa 2021	72.000.000	80.000.000	80.000.000	
	Khóa 2022	72.000.000	80.000.000	80.000.000	80.000.000
CLC-TCTN/ TCTN	Khóa 2020	50.000.000	50.000.000		
	Khóa 2021	55.000.000	60.000.000	60.000.000	
	Khóa 2022	55.000.000	60.000.000	60.000.000	60.000.000

b. Khóa 2019 và Khóa 2020: Học phí trọn gói theo học kỳ

Chương trình	Học phí	Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức
CLC/TT/LKQT/CTQT	30.000.000 VNĐ/ HK	1.850.000 VNĐ/ TC
CLC-TCTN, TCTN	25.000.000 VNĐ/ HK	845.000 VNĐ/ TC

- Đơn giá học phí học lại GDTC: Theo cách tính học phí của Khóa 2021 chính quy đại trà

c. Khóa 2018 học đúng lộ trình (vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)

- Học kỳ 1 năm học 2022-2023: 1.850.000 VNĐ/TC.
- Từ học kỳ 2 năm học 2022-2023: 2.230.000 VNĐ/TC.
- Cách tính học phí các học phần đặc thù:

Nhóm	Số TC	Số TCHP
Các học phần Chính trị; Pháp luật	a	0.2 * a
Nhập môn kỹ thuật (CT tiên tiến); Đề cương/ Chuyên đề LVTN;	0	2
Giáo dục thể chất	0	Theo cách tính học phí của Khóa 2021 chính quy đại trà

d. Khóa 2017 trở về trước (đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch)

- Đơn giá học phí: 2.230.000 VNĐ/ TC
- Cách tính các học phần đặc thù: Áp dụng tương tự Khóa 2018 học đúng lộ trình.

e. Đơn giá tín chỉ học dự thính:

- Chương trình CLC/TT/LKQT/CTQT: 2.665.000 VNĐ/TC.
- Chương trình CLC – TCTN, TCTN: 1.175.000 VNĐ/TC.

f. Học phí sinh viên nước ngoài tính tương tự như sinh viên Việt Nam.**IV. VỪA LÀM VỪA HỌC, ĐÀO TẠO TỪ XA**

- VLVH từ khoá 2021 (Tuyển sinh VLVH từ tháng 05/2021)
 - o Học phí học kỳ: 16.500.000 VNĐ/HK.
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 1.200.000 VNĐ/TC.
(Các tín chỉ đăng ký ở bậc đại học trong cùng học kỳ của một sinh viên được tính chung khi so sánh với tín chỉ định mức.)
- ĐTTXa từ khoá 2021 (Tuyển sinh ĐTTXa từ tháng 05/2021)
 - o Học phí học kỳ: 11.000.000 VNĐ/HK.
 - o Đơn giá học phí tín chỉ vượt định mức: 805.000 VNĐ/TC.
 - o Các học phần học tập trung: tính theo nguyên tắc của VLVH cùng khoá.
- Dự kiến học phí VLVH toàn khoá:

Khoá	2022-2023	2023-2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
2019	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC			
2020	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC	766.000 VNĐ/TC		
2021	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	
2022	33.000.000 VNĐ/Năm	36.000.000 VNĐ/Năm	39.000.000 VNĐ/Năm	42.000.000 VNĐ/Năm	45.000.000 VNĐ/Năm

- Dự kiến học phí ĐTTXa toàn khoá:

Khoá	2022 - 2023	2023 - 2024	2024-2025	2025-2026	2026-2027
2019	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC			
2020	634.000 VNĐ/TC	697.000 VNĐ/TC	766.000 VNĐ/TC		
2021	22.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	

2022	22.000.000 VNĐ/Năm	24.000.000 VNĐ/Năm	26.000.000 VNĐ/Năm	28.000.000 VNĐ/Năm	30.000.000 VNĐ/Năm
------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------	-----------------------

- Các khoá còn trong thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn) (Khoá 2020 tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học; Các Khoá 2018, 2019 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT)
 - o Đơn giá học phí trong các học kỳ chính: 634.000 VNĐ/TC
- Các khoá vừa quá thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn) (Khoá 2019 tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học; Khoá 2017 tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT)
 - o Học kỳ 1 năm học 2021-2022: 634.000 VNĐ/TC.
 - o Từ học kỳ 2 năm học 2021-2022: 1.200.000 VNĐ/TC.
- Các khoá đã quá thời gian đào tạo theo kế hoạch (sau khi giảm trừ các tín chỉ được miễn) (Khoá 2018 về trước tuyển sinh có đầu vào từ Cao đẳng, Đại học; Các Khoá 2016 về trước tuyển sinh có đầu vào tốt nghiệp THPT)
 - o Đơn giá học phí: 1.200.000 VNĐ/TC.
- Các lớp mở theo yêu cầu, dự thính đơn giá học phí tính như các lớp mở theo yêu cầu, dự thính của chính quy đại trà K2021 học trực tiếp tại cơ sở Lý Thường Kiệt.

Nơi nhận:

1. Như trên;
2. Lưu: VT (P.KHTC)


HIỆU TRƯỞNG
 PGS.TS: Mai Thanh Phong